HNUE JOURNAL OF SCIENCE DOI: 10.18173/2354-1067.2020-0037
Social Sciences, 2020, Volume 65, Issue 5, pp. 153-161
This paper is available online at http://stdb.hnue.edu.vn

TỪ VẤN ĐỀ "NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN" TRUNG HOA TÌM HIỂU MỐI QUAN HỆ "PHONG – KIẾN" Ở VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI

Phạm Hoàng Mạnh Hà
Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

Tóm tắt. Tổ chức nhà nước Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX có phải phong kiến (?) là vấn đề được tranh luận, bàn thảo rất nhiều trên các diễn đàn học thuật từ gần một thế kỉ trước. Về đại thể, khi tìm hiểu về đặc trưng nhà nước phong kiến, các nhà nghiên cứu đã giải thích bằng ba biểu hiện: "phong bang (hoặc phong thổ) - kiến chế (hoặc kiến quốc), "phong tước - kiến địa" và mô hình phong kiến được dịch từ thuật ngữ "féodalité" của phương Tây. Giữa "féodalité phương Tây" và "phong kiến Trung Hoa" (bao gồm cả "phong bang - kiến chế" và "phong tước - kiến địa") dẫu có một số khác biệt về biểu hiện, về thời điểm xuất hiện, kết thúc, đặc biệt là quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất… nhưng cả ba thể chế chính trị này đều có chung "mẫu số" là đất phong (hay lãnh địa riêng). Qua một số trường hợp điển hình, chúng tôi nhận thấy, ở Việt Nam, việc phong tước diễn ra rất phổ biến suốt thời Trung đại nhưng không đi kèm với "phong bang" hay "kiến địa". Những vùng đất được ban thưởng cho mỗi cá nhân thực chất chỉ là "lộc điền", "lộc thổ". Trên cơ sở so sánh đối chiếu bước đầu, chúng tôi cho rằng tổ chức nhà nước Việt Nam thời Trung đại không tương đồng với nội hàm các khái niệm đã nêu.

Từ khóa: nhà nước phong kiến, tước vị, đất phong.

1. Mở đầu

Tổ chức nhà nước Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX có phải phong kiến (?) là vấn đề được tranh luận, bàn thảo rất nhiều trên các diễn đàn học thuật từ gần một thế kỉ trước. Năm 1934, trong một chuyên luận, tác giả Phan Khôi đã thống kê một số mệnh đề như: "Người mình chịu áp bách dưới chế độ phong kiến mấy ngàn năm", "Ngày nay chúng ta bắt đầu thoát ly khỏi chế độ phong kiến" và đặt câu hỏi: "Lịch sử nước ta từ xưa đến nay chưa hề có chế độ phong kiến, thì người mình bởi đâu chịu nó áp bách, chúng ta ngày nay việc gì phải thoát ly?" [1;5-6].

Tuy vậy, nhiều thập kỉ sau đó, hình thái kinh tế xã hội Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến nhà Nguyễn vẫn được gọi tên là "chế độ phong kiến". Theo Nguyễn Thừa Hỷ, mô hình này tiếp thu của Trung Hoa nhưng "*được chỉnh sửa, đẽo gọt, thu nhỏ kích cỡ cho phù hợp với những điều kiện cụ thể, đặc thù của lịch sử, xã hội Việt Nam*". Tác giả gọi là "*Phong kiến kiểu Việt Nam*" đồng thời chỉ ra không ít độ chênh giữa "phiên bản" và "nguyên bản" [2;12]. Hướng tư duy này, theo Phan Huy Lê thì bởi "*đây là thời kỳ Sử học hiện đại xây dựng trên hệ tư tưởng Mácxít đang hình thành và trong vận dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử*" [3;13]. Phải chăng vì thế mà bộ *Giáo trình Lịch sử Việt Nam* phát hành cuối thập niên 50 - nửa đầu thập niên 60 thế kỉ trước được đặt tên là "Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam"; gồm 3 tập, tương ứng với ba giai đoạn phát triển: Thời kỳ hình thành và

Ngày nhận bài: 11/3/2020. Ngày sửa bài: 27/3/2020. Ngày nhận đăng: 10/4/2020.
Tác giả liên hệ: Phạm Hoàng Mạnh Hà. Địa chỉ e-mail: phamhoangmanhha@gmail.com

bước đầu phát triển (đầu thế kỉ II Tr.CN đến đầu thế kỉ XV), Thời kỳ phát triển cực thịnh (từ đầu thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI), Thời kỳ khủng khoảng và suy vong (từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX).

Những năm gần đây, thuật nhà "nhà nước phong kiến Việt Nam" đã được nhận thức lại. Trong các nghiên cứu đương đại, khái niệm "nhà nước quân chủ" bắt đầu phổ biến mà điển hình là cuốn *Tổ chức bộ máy nhà nước Quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)* của Nguyễn Minh Tường [4] như một cách "ngầm phủ nhận" mô hình phong kiến trong lịch sử Việt Nam thời Trung đại. Dưới góc nhìn đổi mới, Nguyễn Thừa Hỷ nêu khái niệm "hệ hình quân chủ quan liêu" mà thời Lê Sơ được xem là "chuẩn hệ hình" [5;7]. Tuy nhiên, quan điểm "nhà nước phong kiến Việt Nam" vẫn xuất hiện rải rác trên truyền thông cùng một số tạp chí khoa học. Chẳng hạn như bài viết "Chế độ đãi ngộ của nhà nước phong kiến Việt Nam đối với giám sinh Quốc tử giám từ thế kỉ XI đến nửa đầu thế kỉ XIX" [6;77].

Xin góp một số ý kiến về chủ đề này.

2. Nội dung nghiên cứu

Có rất nhiều cách giải thích về khái niệm phong kiến, trong phạm vi bài viết, chúng tôi xin giới hạn trong bốn cách thức tổ chức dưới đây (theo chúng tôi là phổ biến nhất đến thời điểm hiện tại).

2.1. Chế độ "phong bang kiến quốc" (hay "phong thổ kiến chế")

Về khái niệm: Theo nhà nghiên cứu người Trung Quốc Lý Căn Bàn: Ý nghĩa ban đầu của "phong kiến" là "phong thổ kiến chế", "phong bang kiến quốc", phong kiến quy mô lớn thực sự phát sinh vào những năm đầu thời Tây Chu. (Hán văn: 中国古代"封建"的原始意义是封土建制、封邦建国，大规模"封建"的事实发生在西周建国初年). Lý Căn Bàn cho biết thêm: Trong giáp cốt văn ghi chép đã có chữ "phong", là hình tượng trồng cây trên gò đất (Hán văn: 是在土堆上种树的象形), một cách đánh dấu cột mốc phân chia đất đai. Học giả nổi tiếng Liễu Tông Nguyên (Trung Quốc) trong "Phong kiến luận" cung cấp thêm thông tin: Thuở nguyên sơ, khi con người liên kết để ứng phó với thiên nhiên đã hình thành quyền lực cho một số cá nhân, nhằm đẩy lùi phân tranh cục bộ, người ra đã "đặt cột mốc phân chia đất đai". Đến thời Tây Chu, khi đế vương kiến lập nước chư hầu trong phạm vi thế lực của mình, đã thiết lập địa giới, đặt cột mốc đồng thời thiết lập những quy định pháp luật. Mô hình này mặc dù bắt đầu diễn ra ở thời Tây Chu nhưng biểu đạt cụ thể, rõ ràng nhất vào thời Xuân Thu [7;147].

Nhiều nhà nghiên cứu trong nước cũng hiểu "phong kiến" theo nghĩa này. Theo Lê Văn Hòe, "phong" là đắp bờ, đắp thành xung quanh; đất đai của các nước chưa hầu đều có đắp thành (…) nên lãnh thổ của chư hầu gọi là "phong"; "kiến" nghĩa là lập, là dựng; kiến được hiểu theo nghĩa "kiến ấp" là "lập thành ấp". Tác giả *Tầm nguyên Từ điển* khẳng định: "Thời có các nước chưa hầu gọi là thời phong kiến". "Phong kiến nghĩa là cho đất để lập thành nước chư hầu" [8;206-207]. Đồng quan điểm, hai tác giả Nguyễn Bá Hưng, Nguyễn Hải Long đưa ra cách hiểu: Kiến là dựng nên, lập nên; chế độ phong kiến là "chế độ do vua cai trị, đất được phong rồi dựng nên nước" [9;469]. Tương tự như vậy là nhận định của Phan Khôi: Thiên tử phong cho các con, em, cháu, mỗi người một phần đất, gọi là chư hầu, ấy tức là cái chế độ phong kiến bắt đầu có! [1;5-6].

Cách thức tổ chức: theo Phan Khôi: "Các bực bá giả khi chinh phục và thống nhứt (thống nhất) được một nước rồi, lên ngôi vua, tự xưng là thiên tử, và phong cho các con, em, cháu, mỗi người một phần đất bởi trong nước ấy chia ra, cũng làm vua, mà gọi là chư hầu" [1;5-6]. Tác giả cũng thống kê và phân loại chư hầu thành hai nhóm đối tượng: chư hầu đồng tính (cùng họ) và

chư hầu dị tính (khác họ). Trên vùng đất được phân phong, quyền lợi và nghĩa vụ của chư hầu với "thiên tử" về cơ bản nằm trong bốn tiêu chí/ đặc điểm: Được hưởng thuế trên vùng đất phong; hàng năm phải cống nạp; với những việc lớn phải bẩm báo với "thiên tử" và khi có giặc phải xuất binh giúp "thiên tử" đánh dẹp. Mô hình này này bắt đầu xuất hiện "trước Giáng sanh (tức trước Công nguyên) vài ba ngàn năm"… trải qua Đường, Ngu, Hạ, Thương, Châu (nhà Chu), ngót hai ngàn năm [1;5-6]....

Nguyễn Hiến Lê cũng giới hạn thời điểm xuất hiện nhà nước phong kiến Trung Hoa ở thời Tây Chu, "*Vua nhà Chu ra chế độ đem đất đai phong cho bà con để kiến lập các nước chư hầu gọi là "phong kiến thân thích*" [10]. Nói cách khác, phong bang kiến quốc là cách thức tổ chức quốc gia theo mô hình Thiên tử - Chư hầu. "Thiên tử" gần như không can thiệp vào tình hình nội trị của chư hầu quốc.

Thời điểm và dấu hiệu kết thúc: Đại đa số các nhà nghiên cứu đều cho rằng, khi nhà nước Trung Hoa cổ đại không "phong đất" đồng nghĩa với thời điểm sụp đổ của chế độ này. Lý Căn Bàn khẳng định: 封建制度春秋战国之际开始逐步瓦解，秦统一全面实行郡县制，取代了西周以来的封建制 - Tạm dịch: chế độ phong kiến thời Xuân thu Chiến quốc bắt đầu từng bước tan rã, Tần (Thủy Hoàng) thống nhất toàn diện, thực hành "chế độ quận, huyện", thay thế chế độ phong kiến từ thời Tây Chu [7;147].

Các nhà nghiên cứu Việt Nam cũng cho rằng "chế độ quận huyện" đã đặt dấu chấm hết cho hình thức phong bang kiến quốc. Theo Phan Khôi, Nguyễn Hiến Lê: Sự kiện Tần Thủy Hoàng chia quốc gia thành các quận, huyện, trực tiếp cai trị đất nước, thông qua "trung gian" là đội ngũ quan lại đứng đầu địa phương chính là thời điểm chấm dứt hình thái nhà nước phong kiến (ở Trung Hoa), "thiên tử đặt quan cai trị" [1;5-6], [10].

2.2 Chế độ "phong tước - kiến địa"

Nội hàm khái niệm: "Phong kiến" được hiểu theo nghĩa hai từ riêng biệt: Phong = phong tước (封 爵), Kiến = kiến địa (建 地). Nguyễn Minh Tường dẫn *Từ nguyên* giải thích: Phong kiến (thời Tây Chu) tức "Vương giả dĩ tước, thổ dữ nhân dã", có nghĩa: Bậc vương giả lấy tước vị và đất đai phong cho người khác [11]. Tương tự như vậy, Nguyễn Hiến Lê hiểu "phong kiến" cấu thành bởi hai yếu tố: phong tước và kiến địa [10;49].

Cách thức tổ chức: Về đại thể, "phong bang kiến quốc" có nhiều điểm tương đồng với "phong tước - kiến địa" ở cách thức tổ chức song nội hàm "kiến địa" hẹp hơn "kiến quốc". Lấy quản lý nhà nước theo lãnh thổ thời Tây Hán làm điểm quan sát. Lưu Bang chia quốc gia thành các châu, quận… song quyền tự chủ của người đứng đầu rất lớn. Nói cách khác, nếu như thời Chu, chư hầu biểu hiện như một "tiểu quốc" thì đến thời Hán chỉ còn mang ý nghĩa "quận quốc", chịu nhiều hơn sự ràng buộc với triều đình trung ương.

Và quan trọng hơn, khi phong được giải thích bằng "tước vị" và "đất phong" thì hai yếu tố này dứt khoát phải song hành và tỉ lệ thuận (tước vị càng cao, đất phong càng lớn), không thể khuyết một trong hai. Có thể dẫn chứng thêm kết quả nhiên cứu của Trương Hạc Tuyền, Bành Siêu (Trung Quốc) sau khi khảo cứu định chế tước phong giai đoạn Bắc Ngụy: Vào thời kỳ Bắc Ngụy, quốc gia không chỉ thiết lập các đẳng cấp khác nhau trong năm cấp bậc, mà còn thực hiện phong đất đai cho những người nắm giữ các tước vị này. Năm Thiên Tứ thứ nhất (tức năm 404), Đạo Vũ Đế cải cách tước vị, quy định: *Tước vương* phong đất quận lớn, *tước Công* phong đất quận nhỏ, *tước Hầu* phong đất huyện lớn, *tước Tử* phong đất huyện nhỏ - Hán văn: 王封大郡，公封小郡，侯封大县,子封小县 [12].

Thời điểm và dấu hiệu kết thúc: Diễn biến lịch sử Trung Hoa "hậu Tần Thủy Hoàng" cho thấy việc phong tước vẫn được duy trì. Hệ thống tước vị về cơ bản vẫn áp dụng hệ thống "ngũ đẳng": Công - Hầu - Bá - Tử - Nam, nhưng không ngừng được cải biến. Thí dụ như thời Bắc

Ngụy, cải cách của Đạo Vũ Đế (năm 404) quy định: "tước chế 4 cấp, đặt danh hiệu "vương - công - hầu - tử", có nghĩa Đạo Vũ Đế lấy "ngũ đẳng" thời Chu đặt thành 4 cấp tước. Tuy nhiên, đến thời Minh (từ sau Minh Nguyên Đế đến trước Hiếu Văn Đế), nhà Minh đặt thêm "Tử tước" và "Nam tước" [13]. Cũng có nghĩa "ngũ đẳng" được phát triển thành chế độ 6 cấp tước: Vương - Công - Hầu - Bá - Tử - Nam.

Tuy nhiên, dẫu là 4, 5 hay 6 cấp tước thì nội hàm khái niệm "kiến địa" đã từng bước có sự biến đổi. Trương Hạc Tuyền, Bành Siêu chỉ rõ: Bên cạnh việc "thực phong (đất)", các triều đại Trung Hoa còn sử dụng hình thức "hư phong". Hai tác giả trích dẫn quan điểm của Mã Đoan Lâm (nhà sử học đời Tống) cho biết: Đạo Vũ Đế từng thụ phong các tước và vùng đất như *Kiến Nghiệp công* (tước Công, hiệu Kiến Nghiệp), *Đan Dương hầu* (tước Hầu, hiệu Kiến Nghiệp), *Hội Kê hầu* (tước Hầu, hiệu Hội Kê), *Thương Ngô bá* (tước Bá, hiệu Thương Ngô)… Tuy nhiên, các vùng đất Kiến Nghiệp, Đan Dương, Hội Kê, Thương Ngô đều không thuộc nước quyền quản lý của nước Ngụy [13]. Nói cách khác, đây là chỉ "đất phong ảo".

Đến thời Đường thì yếu tố "kiến địa" hoàn toàn chấm dứt. Hải Văn Vệ - Hồ Kỉ Bình (Trung Quốc) phân tích nội dung *Đường luật sơ nghĩa* và nhận thấy: 唐代是我国封爵制度史上的转折定型时期,封爵贵族不再列土分茅,即封而不建,但仍处于特殊的社会地位,享有广泛的法律特权 - tạm dịch: Nhà Đường là thời kỳ chuyển biến, định hình trong lịch sử chế độ phong kiến Trung Quốc. Quý tộc được phong tước không còn được chia đất, nghĩa là chỉ "phong" (tước) mà không "kiến" (địa) [14]. Đàm Gia Kiện giải thích rõ hơn: Nhà Đường thực hành chế độ thực ấp thay thế chế độ bổng lộc [15] - người đứng đầu đơn vị hành chính các cấp chỉ được ăn thuế hộ, không được phong đất.

2.3 Mô hình feudalism/ féodalité

Là tên gọi của mô hình tổ chức ở châu Âu, bắt đầu từ sau sự tan rã của Đế chế La Mã (thế kỉ V) mà trong *The history of feudalism*, David Herlihy gọi là "classic age of Western feudalism" [16: tr.XI]- tạm dịch: Khởi điểm của chế độ phong kiến phương Tây.

David Herlihy cho biết: *feudalism* bắt nguồn bởi từ Feudal (hoặc feos/ feus) - một thuật ngữ có nhiều cách kiến giải, xuất hiện khoảng năm 881, mang ý nghĩ là một loại "tài sản di chuyển" (kind of movable property). Quan điểm khác cho rằng: Nghĩa gốc của *feudalism* là frankish, biểu thị sự sở hữu hoặc tài sản. Đến thế kỉ X, cách hiểu nghĩa khởi nguyên của *feudalism* gắn với "tài sản" không còn được sử dụng. Thuật ngữ này được hiểu dưới các dạng thức như fevum, fevo, feo với ý nghĩa mới là cấp đất/ phong đất (grant of land). Cuối thế kỉ X, những biến thể của thuật ngữ *feudalism* như feoduen hoặc feudum dần trở nên phổ biến và trở thành thuật ngữ Latin thông dụng. Các tài liệu đề cập tới feoduen/feudum ngày càng xuất hiện nhiều hơn những điều khoản liên quan đến phong kiến - chư hầu (feudalism - vassus/ vassal), "không gian cư trú cộng đồng" (Tiếng Anh: *hominium* - chuyển sang Việt ngữ không hết ý) hoặc "không gian cư trú độc lập tương đối" (Tiếng Anh: *hominium for homage*, chuyển sang Việt ngữ không hết ý). Nghĩa của từ feudum (hay ficf) ban đầu được dùng để chỉ một vùng đất được "trao không tuyệt đối" (a piece of land, conveyed not absolutely) - có các điều kiện kèm theo (kiểu như nghĩa vụ của chư hầu đối với Thiên tử theo mô hình phong kiến Trung Quốc). Đến thế kỉ XII, tổ chức nhà nước châu Âu mới được gọi tên là feudalism. Tuy nhiên, do sự đa nghĩa của thuật ngữ này nên không thể xác định một tổ chức nhà nước châu Âu nào tương trùng với feudalism [16; tr.XIII-XIV].

Người ta cho rằng mô hình *feudalism* hay *féodalité* (tiếng Pháp) tương đồng với "phong kiến" (Trung Quốc) nên chuyển ngữ thành "phong kiến". Yan Fu có lẽ là học giả Nhật Bản đầu tiên khi phân tích xã hội cổ đại Trung Quốc đã đề cập đến khái niệm này. Những năm đầu của thế kỉ XX, trong các tác phẩm dịch của mình (trong số này có cuốn sách nổi tiếng của Adam Smith: "Bàn về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có của các quốc gia", thường được gọi tắt

là "Sự giàu có của các quốc gia"), Yan Fu đã chuyển ngữ feudalism thành "phong kiến" và xem đó là một loại hình sản xuất.

Tuy nhiên, theo Nguyễn Hiến Lê cả "phong kiến" và feudalism chỉ mới phản ánh hình thức phân phong đất đai chứ chưa phản ánh bản chất của chế độ. Trong ngôn ngữ châu Âu, féodalité bắt nguồn từ chữ feod trong tiếng La-tinh nghĩa là **lãnh địa cha truyền con nối**. Tại vùng đất ấy, các lãnh chúa thi hành chế độ kinh tế lãnh địa, có đội quân, luật pháp, hành chính riêng biệt, tự chủ hoàn toàn về kinh tế lãnh địa: tự sản xuất lương thực, trao đổi hàng hóa, thậm chí có thể "cướp" lương thực, hàng hóa từ các lãnh địa khác [10;51].

Tóm lại, cách thức tổ chức của "phong bang kiến quốc", "phong tước - kiến địa" và *feudalism* vẫn còn không ít sự chưa đồng nhất nhưng ba mô hình này có điểm tương đồng, rất nổi bật là một lãnh địa riêng; mức độ quản lý, sự ràng buộc cũng khác nhau về cấp độ: Tự chủ - tự trị.

2.4 Mô hình phong kiến theo Chủ nghĩa Mác

Giữa thế kỉ XIX, Marx và Engels, trong hệ thống lý thuyết của mình đã xem "chế độ phong kiến" là một trong một những hình thái xã hội của lịch sử loài người. "Cha đẻ" của Chủ nghĩa duy vật lịch sử đã nhìn nhận xã hội phong kiến là một phương thức sản xuất, làm rõ các khái niệm: năng suất, quan hệ sản xuất, cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng. Trong đó, cơ sở kinh tế, quyền sở hữu và quan hệ sản xuất được xem là những biểu hiện rõ nhất để khái quát đặc trưng xã hội phong kiến. Claudio J.Katz trong *Theory and Society* (Lí thuyết và Xã hội), ở phần khảo cứu: *Karl Marx on the transition from feudalism to capitalism* (tạm dịch: Karl Marx - về quá trình chuyển đổi từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản) đã chứng minh rằng: Theo quan điểm của Marx sự chuyển tiếp từ feudalism sang Tư bản chủ nghĩa chính là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp chống lại lãnh chúa (lordship) dẫn việc bãi bỏ chế độ nông nô [17; tr.366]. Nói cách khác, khái niệm "phong kiến Chủ nghĩa Mác" là tổ chức nhà nước dựa trên mối quan hệ (đối kháng) giai cấp: Nông nô - lãnh chúa, chứ không phải quan hệ về tư liệu sản xuất. Mô hình này đã được thừa nhận là không tương trùng với tổ chức nhà nước Việt Nam thời Trung đại.

Vấn đề cần thảo luận chỉ còn là "phong bang kiến chế", "phong tước - kiến địa" hay *feudalism*?

2.5. Nhà nước Việt Nam thời Trung đại có phải "phong kiến"?

2.5.1 Xét mô hình phong bang kiến quốc

Thư tịch Việt Nam đã ghi lại hiện tượng một số cá nhân được ban phong một vùng địa lý, lấy thí dụ các trường hợp sau:

"*Thác đao điền" của Lê Phụng Hiểu*: Tư liệu để lại cho biết: Lê Phụng Hiểu người hương Băng Sơn ở Ái Châu (nay là huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa) "từ khi còn nhỏ đã có sức vóc hùng dũng". Sau "loạn Tam vương" (năm 1028) ông được thăng chức Đô thống Thượng tướng quân, ban tước *Hầu*. Trong niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ (từ năm 1044 đến năm 1048), Lê Phụng Hiểu theo Lý Thái Tông đánh dẹp ở miền nam, "làm tiên phong, phá tan quân giặc, danh tiếng rung động nước Phiên". Thắng trận trở về, vua Lý định công ban thưởng, Lê Phụng Hiểu nói: Thần không muốn thưởng tước, xin cho đứng trên núi Băng Sơn ném đao lớn đi xa, đao rơi xuống chỗ nào trong đất công thì xin ban cho làm sản nghiệp. Được sự chấp thuận của vua nhà Lý, Lê Phụng Hiểu đứng trên đỉnh núi, ném đao xa hơn đến nghìn dặm. Vua bèn lấy số ruộng ấy ban cho Lê Phụng Hiểu" [18;82].

Song, trên khoảng "ruộng lộc nghìn dặm" này, Lê Phụng Hiểu chỉ được miễn "thóc thuế" [18;83], không được thiết lập một cơ chế hành chính riêng biệt (giống như chư hầu). Điều đó có nghĩa "ruộng ném đao" không phải vùng đất để "kiến quốc". (Theo tư liệu khảo sát thực địa của chúng tôi thì khoảng cách từ Băng Sơn đến Nga Mi chỉ khoảng hơn chục km, không thể lên tới "nghìn dặm" như ghi chép của chính sử).

Điền trang, thái ấp của quý tộc nhà Trần: bắt đầu xuất hiện từ năm 1266, gắn với sự kiện "tháng 10, (vua Trần) xuống chiếu cho vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành điền trang". *Đại Việt sử ký toàn thư* khẳng định: Vương hầu có trang thực bắt đầu từ đấy! [18;172].

Nguyễn Thị Phương Chi trong những nghiên cứu về điền trang, thái ấp thời Trần đã thống kê được 15 thái ấp, đồng thời đưa ra 4 căn cứ để chứng minh "quy mô thái ấp là rộng lớn" [19]. Tác giả cũng chỉ rõ: Thái ấp là "loại hình ruộng đất đã thuần thục" thuộc "sở hữu nhà nước" (tác giả nhấn mạnh). Còn điền trang là "loại ruộng đất khẩn hoang"; phò mã, công chúa, cung tần đều có thể mộ dân tạo lập và khai thác. Nói cách khác, cả thái ấp lẫn điền trang đều là loại hình tư liệu sản xuất do triều đình quản lý nên cũng không thể xem là "đất phong".

2.5.2. Ở hình thức phong tước - kiến địa

Trên thực tế, những dẫn chứng được đề cập ở giai đoạn Lý - Trần (Lê Phụng Hiểu và quý tộc nhà Trần) đều có thể minh họa cho mô hình này bởi họ đều được phong tước (Lê Phụng Hiểu tước *Hầu*, quý tộc nhà Trần đều được phong *Vương tước, Hầu tước*) nhưng để tường minh hơn nữa, chúng tôi xin dẫn chứng một số trường hợp sau đây.

Trước hết phải thấy rằng, cũng như Trung Hoa, việc ban phong tước vị với các triều đại Việt Nam thời Trung đại diễn ra rất phổ biến. Thời nhà Lý, lấy tước Vương, tước Công đứng đầu các thân (thân tộc của vua) huân (người có công lớn)… ngoài ra thì phong tước Hầu (như Đào Cam Mộc được phong Tín Nghĩa hầu). Thời Trần, lớp tôn thất được phong tước Vương hoặc tước Quận vương… quan văn - võ thì có các bậc Quốc công, Thượng hầu, Quan nội hầu, Quan phục hầu, Khai huyện bá… [20; 627-628].

Việc phong tước cho quan lại, hoàng tộc tiếp tục được triển khai dưới thời Lê Sơ. *Sắc dụ* hiệu định quan chế Hoàng triều năm 1470 thời Lê Sơ chế đặt hai hệ thống tước vị. Theo sự cận - viễn của huyết thống mà hoàng thất được phong: *Thân Vương, Thân Tự vương, Công tước, Hầu tước, Bá tước, Tử tước, Nam tước* (7 cấp). Theo công lao mà huân thần được phong: *Quốc công, Quận công, Hầu tước, Bá tước* (4 cấp) [21]. Sử liệu còn cung cấp nhiều thông tin liên quan đến tước hiệu, hệ thống tước phong ở các giai đoạn sau như đời vua Lê Anh Tông (niên hiệu Thiên Hựu 1556 - 1557), năm Quang Hưng thứ 18 (năm 1595) đời vua Lê Thế Tông, niên hiệu Chính Hòa (1680 - 1705) đời vua Lê Hy Tông… [20; 630-631] cũng như giai đoạn "tiền Thực dân" (thời Nguyễn). Tuy nhiên, "phong tước" liệu có đi kèm với "kiến địa"?

Xét trường hợp Việt Quốc công Lý Thường Kiệt: Sự kiện vị Thái úy nhà Lý được phong *Việt Quốc công* thể hiện trong khá nhiều tư liệu. Văn bia tại đền thờ Lý Thường Kiệt (xã Hà Ngọc - huyện Hà Trung - Thanh Hóa) của tác giả Nhữ Bá Sỹ khẳng định: Ông là một tướng tài nhiều mưu lược, phụng thờ ba triều Lý, công lao to lớn, nổi bật trong hàng tả hữu quan tướng trong triều, vua nhớ công lớn mà trao tặng chức Thái úy Bình chương sự, tước *Việt Quốc công*, thực ấp vạn hộ, thực phong tứ thiên hộ [22; 27-28]. Văn bia cho biết thêm: Giữa niên hiệu Thần Vũ (1069 - 1072)… nhà vua gia phong Lý Thường Kiệt làm *Thiên tử nghĩa đệ*, đồng thời cử ông vào Ái Châu, quận Cửu Chân trấn Thanh Hóa trông coi việc quân.

Song, với Thanh Hóa, dẫu Lý Thường Kiệt giữ cương vị Tổng trấn trong suốt 19 năm nhưng vùng đất này vẫn thuộc quyền quản lý của nhà Lý. Ông không có quyền "kiến địa" mà chỉ là một quan chức theo dạng "biệt phái", đến năm 1101 lại được triệu hồi về triều. Quyền lợi, đãi ngộ của ông ở xứ Thanh chỉ là "thực ấp vạn hộ, thực phong tứ thiên hộ" giống như chế độ thực ấp trong quan chế nhà Đường (Trung Hoa) mà chúng tôi đã đề cập.

Lớp quan lại, quý tộc thời Lê Thánh Tông: Đây là trường hợp rất đặc biệt trong lịch sử tước chế Đại Việt. Nếu như giai đoạn trước Lê Sơ, định chế phong tước còn tản mạn, rời rạc trong thư tịch thì đến Thánh Tông Thuần Hoàng đế, điển chế đã tương đối rõ ràng.

Sắc dụ năm Hồng Đức thứ hai cho biết: Vương chế hoàng thất lấy phủ, huyện làm hiệu. *Thân vương* dùng một chữ (nhất tự *Vương*), *Thân Tự vương* dùng hai chữ (nhị tự *vương*). Tương

tự như vậy, tước chế huân thần cũng lấy địa danh đặt hiệu. *Quốc công* lấy phủ làm hiệu; *Quận công* lấy huyện làm hiệu; *Hầu tước, Bá tước* lấy xã làm hiệu [21;369-371]. Đối chiếu với bản đồ hành chính nước Đại Việt đương thời (53 phủ, 180 huyện, 50 châu, 3 hương, 83 phường, 1184 xã), có thể nhận thấy những tước phong kể trên biểu thị cho các vùng đất sau: *Kiến vương* - phủ Kiến Xương, *Thường Quốc công* - phủ Thường Tín, *Sùng Quận công* - huyện Sùng An, *Văn Chấn hầu* - xã Văn Chấn…

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những vương hiệu như *Lương vương* (Lê Thuyên), *Đường Vương* (Lê Cảo), *Kinh Vương* (Lê Kiến) [18; 542] mà đối sánh với 53 phủ thời Hồng Đức không tìm thấy địa danh tương ứng. Điều này cho thấy, việc đặt hiệu cho người được phong tước (tước hiệu) không nhất thiết phải theo địa danh hành chính đã thiết lập trên thực tế.

Quan trọng hơn, tước hiệu không hề đồng nghĩa với vùng đất thực trị. Cải cách hành chính thời Lê Thánh Tông chia cả nước thành 13 xứ Thừa tuyên, dưới Thừa tuyên là phủ. Như đã nói, *Thân Vương* lấy phủ đặt hiệu nhưng không tìm được, dù chỉ một *Thân vương* nhà Lê Sơ từng giữ chức Tri phủ. Tước chế huân thần cũng vậy! Chẳng hạn như Nguyễn Xí, ông được phong tước *Quỳ Quận Công* năm đầu niên hiệu Quang Thuận (năm 1460). Chữ "Quỳ" đặt theo địa danh phủ Quỳ Châu - Nghệ An [23;tr.988]. Tuy nhiên, quản lý hành chính ở Quỳ Châu lúc này là do thổ quan cai trị [24;tr.146]. Nói cách khác, nhưng *Kiến vương, Thường Quốc công, Sùng Quận công, Quỳ Quận công, Văn Chấn hầu* chỉ là "đất phong ảo", không phải vùng địa lý theo nghĩa "kiến địa".

Có thể kiểm chứng bằng trường hợp *Tùng Thiện vương* Nguyễn Phúc Miên Thẩm thời Nguyễn. Các lần gia phong, thăng tước cho ông đều lấy đất Tùng Thiện - tỉnh Sơn Tây (cũ) làm hiệu: *Tùng Quốc công* (從國公 - năm 1839), Tùng Thiện công (從善公 - năm 1854). Tuy nhiên, Nguyễn Phúc Miên Thẩm là quan tại triều, không hưởng hoa lợi ở huyện Tùng Thiện [1;6].

Như vậy, dẫu là nhà Lý, nhà Lê hay nhà Nguyễn thì thể chế chính trị các triều đại vẫn chỉ có "phong tước" chứ không có "kiến địa".

2.5.3. Với mô hình "feudalism"

Đây là mô hình vận hành theo phương thức lãnh địa cha truyền con nối. Tuy nhiên, khi không tồn tại khái niệm "kiến quốc", "kiến địa", cũng có nghĩa hình thức này không xuất hiện trong suốt giai đoạn lịch sử Trung đại Việt Nam. Sự truyền thừa - tiếp nối có chăng chỉ biểu hiện trên phương diện tập tước (không có "lãnh địa" để tiếp quản). Đơn cử như chính *Việt Quốc công* Lý Thường Kiệt, "bia Nhữ Bá Sỹ" tại đền thờ vị Thái úy nhà Lý cho biết: sau khi qua đời, vì không có con trai nối dõi nên nhà Lý cho em trai là Thường Hiến "nối tước hầu" [22;25].

Một dẫn chứng khác là những diễn biến lịch sử cuối thế kỉ XVI (nhà Hậu Lê), sau khi giúp vua Lê khôi phục kinh đô Thăng Long, Trịnh Tùng được vua Lê Thế Tông tấn phong tước *Bình An vương* và được thế truyền vương vị.

3. Kết luận

Không khó để nhận thấy, giữa "feudalism phương Tây" và "phong kiến Trung Hoa" (bao gồm cả "phong bang - kiến chế" và "phong tước - kiến địa") dẫu có một số khác biệt về biểu hiện, về thời điểm xuất hiện, kết thúc, đặc biệt là quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất… nhưng cả ba thể chế chính trị này đều có chung đặc điểm là đất phong (hay lãnh địa riêng). Đó là mô hình nhiều "tiểu quốc" trong một "đại quốc". Trong từng "tiểu quốc", người đứng đầu có quyền tự chủ/ tự trị rất lớn… So sánh với nhà nước Việt Nam thời Trung đại, việc phong tước cho công thần, hoàng tộc được áp dụng rất phổ biến nhưng chưa tìm thấy thông tin về việc "phong đất", "kiến địa".

Tổ chức nhà nước thời Đường (Trung Hoa) là cột mốc rất quan trọng (quý tộc được phong tước không còn được chia đất), rất có thể các triều đại quân chủ Việt Nam đã tham bác và áp

dụng mô hình này. Những vùng đất mà các vị đế vương Đại Việt cấp cho quý tộc, đại thần chỉ mang ý nghĩa "lộc điền", "lộc thổ" - hoàn toàn đối lập với những đặc điểm cấu thành nhà nước phong kiến Trung Hoa cổ đại cũng như "féodalité phương Tây".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Phan Khôi, 1934. *Trên lịch sử nước ta không có chế độ phong kiến*. Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, số 268 (29 Novembre 1934), tr.5-6.

[2] Nguyễn Thừa Hỷ, 2006. *Lại bàn về chế độ phong kiến Việt Nam*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 (365), tr.12.

[3] Phan Huy Lê, 2008. Báo cáo đề dẫn trong Kỉ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX*. Nxb Thế Giới, Hà Nội, tr.13.

[4] Nguyễn Minh Tường, 2015. *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thừa Hỷ, 2018. *Lịch sử và văn hóa Việt Nam từ góc nhìn đổi mới*. Nxb Thông tin - Truyền thông, Hà Nội, tr.7.

[6] Trịnh Thị Hà, 2014. Chế độ đãi ngộ của nhà nước phong kiến Việt Nam đối với giám sinh Quốc tử giám từ thế kỉ XI đến nửa đầu thế kỉ XIX. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2 (75), 2014, tr.77.

[7] 李根蟠, 中国"封建"概念的演变和"封建地主制"理论的形成, 世界历史 1991年第6期 - Lý Căn Bàn, 1991. *Sự phát triển và biến đổi khái niệm "phong kiến" và sự hình thành lí luận "phong kiến địa chủ chế"*, tạp chí *Lịch sử thế giới*, Sở Nghiên cứu Lịch sử thế giới, Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, số tháng 6, tr.147.

[8] Lê Văn Hòe, 1941. *Tầm nguyên từ điển*. Tủ sách Hàn lâm, Quốc học thư xã, tr.206-207.

[9] Nguyễn Bá Hưng, Nguyễn Hải Long, 2013. *Từ điển từ ngữ gốc chữ Hán trong tiếng Việt hiện đại (từ đa tiết)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.469.

[10] Nguyễn Hiến Lê, 1997. *Sử Trung Quốc*, Nxb Văn hóa, tr.49.

[11] Nguyễn Minh Tường, 2012. *Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.49.

[12] 张鹤泉彭超, 2016. 北魏前期五等爵封地的 虚封特征及与爵位等级的关系, 吉林大学古籍研究所, 吉林长春 130012 - Trương Hạc Tuyền, Bành Siêu, 2016. *Quan hệ giữa đặc trưng 5 cấp tước phong đất ảo và đẳng cấp tước vị thời Tiền Bắc Ngụy*. Viện Sách cổ, Đại học Cát Lâm, Trường Xuân, Trung Quốc, kỳ 2.

[13] Trương Hạc Tuyền, Bành Siêu, 2016. *Quan hệ giữa đặc trưng 5 cấp tước phong đất ảo và đẳng cấp tước vị thời Tiền Bắc Ngụy*, bài đã dẫn.

[14] 海文卫, 胡纪平, 1999. 从"唐律疏义"看唐代封爵贵族的法律特权, 广西民族学院学报 (哲学社会科学版) 1999年 5月 - Hải Văn Vệ, Hồ Kỉ Bình, *Từ "Đường luật sơ nghĩa" tìm hiểu đặc quyền pháp luật của quý tộc phong tước thời Đường*, tập san *Nghiên cứu Nhân học*, Học viện Dân tộc Quảng Tây (Triết học và Khoa học Xã hội), Trung Quốc, tháng 5.

[15] Đàm Gia Kiện, 1993. *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.79.

[16] David Herlihy, 1970. *The history of feudalism, First published in the United States* 1970 First published in the United Kingdom by Macmillan and Co. Ltd, tr.XI.

[17] Claudio J. Katz, 1993. *Theory and Society, KluwerAcademic Publisher*. Printed in the Netherlands, tr.366.

[18] Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, 1272 - 1697. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam dịch (1985 - 1992), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội phát hành năm 1993, tr.82-83.

[19] Nguyễn Thị Phương Chi, 2012. "Một vài nhận thức mới về nhà Trần". *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2/2012, tr.45-51.

[20] Phan Huy Chú, 2005. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.627-628.

[21] Viện nghiên cứu Hán - Nôm, 2006. *Thiên Nam dư hạ tập, trong cuốn Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam*, Tập I: Từ thế kỉ XV đến XVIII. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.369-371.

[22] Phạm Hoàng Mạnh Hà, 2018. *Tổng trấn Thanh Hóa Lý Thường Kiệt*, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa, tr.27-28.

[23] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục,* tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.988.

[24] Quốc sử quán triều Nguyễn, 1992. *Đại Nam nhất thống chí* tập 2. Nxb Thuận Hóa, Huế.

ABSTRACT

Studying the "Feudality/ féodalité" relationship in Vietnam in the Middle Age by reviewing the issue of the "feudal State" of China

Pham Hoang Manh Ha

Vietnam National Museum of History

Whether or not the hierarchy of the state of Vietnam, from the 10th - 19th centuries was feudalism was a question that was under discussion and controversy of the academic forums nearly a century ago. In general, while learning about the characteristic of feudal state, the researchers explained by three models: "fief - state establishment", "conferment - land distribution", and feudal model translated from the Western term "féodalité". Between "Western féodalité" and "Chinese feudalism", there are some differences in expression, time of occurrence and ending, especially in production relations and productions forces... However, three political institutions shared the same "denominator" as land grant (or separate domains). Through a number of typical cases, we found that in Vietnam, the conferment took place very popularly during the Middle Ages but not with the "separate domains". The rewarded lands for each individual were actually just awards. On the basis of comparisons, we believe that the Vietnamese state organization in the Middle Ages was not similar to the contents of all three mentioned models.

Keywords: feudal State, the title, separate domains.